TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 25/06/2019

V/v: "Tranh chấp HN và GĐ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Ông Nguyễn Đăng Dũng

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Thành.

Đại diện VKSND huyện Thuận Thành tham gia phiên toà: Ông Đoàn Đình Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" thụ lý số 59/2016/TLST- HNGĐ ngày 13/5/2016; Thụ lý lại ngày 23/3/2018. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX - ST ngày 20/05/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Tống Thị Y, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B - xã Đ - huyện Th - tỉnh B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L - Luật sư của Công ty luật Tr Chi nhánh B thuộc Đoàn luật sư Thành Phố H. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 228 Phố Đ - Thị Trấn H - huyện Th - tỉnh B.

Bị đơn*:* Anh Tống Ngọc T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Hồ Hồng H(O), sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Đều địa chỉ: Thôn B - xã Đ - huyện Th - tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Tống Thị Y trình bày như sau:

Chị xây dựng gia đình với anh Tống Ngọc T, ngày 12/10/1992 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi tổ chức cưới chị và anh T chung sống ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không có con, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn anh T rượu chè về đánh đập chị, năm 2008 anh T đánh đuổi chị và vợ chồng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ từ đó

đến nay. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Ngọc T để mỗi người có cuộc sống mới.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Chị xác định khi cưới nhau được 03 tháng thì bố mẹ anh T cho vợ chồng ăn riêng nhưng ở chung nhà. Năm 1993 địa phương thôn B có cấp đất theo tiêu chuẩn gia đình nào có từ 02 cặp vợ chồng trong hộ trở lên nhưng phải nộp tiền với mục đích sử dụng đất nông nghiệp lâu dài và vợ chồng chị được diện được cấp đất, vợ chồng chị vay mượn tiền và chị đưa cho anh T 2.000.000 đồng, anh T đã đưa số tiền này cho ông Tống Ngọc H là bố đẻ để ông H đi nộp và ông nộp hộ cả suất của anh trai anh T là anh Tống Ngọc T1 với mục đích để hai anh em chung một phiếu gần nhau tổng diện tích hai anh em được cấp là 360 m2 phiếu thu tiền mang tên ông H. Sau khi nộp tiền chị là người đi nhận đất, năm 1995 vợ chồng chị đã xây dựng 01 ngôi nhà 01 tầng có diện tích khoảng 50 m2, 02 gian chuồng lợn, 01 gian bếp, 01 gian nhà ngang, 01 gian nhà tắm và mua sắm được 01 xe máy Anlge, 01 xe Weave Trung Quốc và 01 số đồ dùng sinh hoạt khác nay giá trị sử dụng không đáng kể. Hiện nay thửa đất của vợ chồng chị chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện diện tích thay đổi là 211 m2. Toàn bộ tài sản trên từ khi ly thân thì anh T là người quản lý. Đến cuối năm 2015 Nhà nước làm đường có bồi thường hành lang giao thông vợ chồng chị được bồi thường là 45.449.108 đồng (Bốn mươi năm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm linh tám đồng) số tiền này anh T là người nhận và quản lý. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản là ngôi nhà cấp 4 loại 2 trên thửa đất có diện tích đo đạc thẩm định là 193,48 m2 và số tiền anh T đã nhận đền bù theo quy định pháp luật.

Về công nợ: Chị xác định trong thời gian chung sống trước đây vợ chồng có vay tiền để mua đất nhưng đến nay thì vợ chồng đã trả và không còn nợ ai. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về ruộng đất canh tác: Chị xác định hai bên tự phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tống Thị Y đề nghị Toà án xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của chị Tống Thị Y.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án phía anh Tống Ngọc T trình bày như sau:

Anh xác nhận lời trình bày của chị Y về quá trình vợ chồng chung sống với nhau năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là đúng. Nay chị Y có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Y thì anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Y không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản: Anh xác định sau khi anh chị cưới về chung sống với nhau năm 1993 bố mẹ anh có thầu 01 mảnh đất của địa phương có tổng diện tích 360 m2 sau đó bố mẹ anh có tách làm 02 thửa cho anh Tống Ngọc T1 anh trai anh một nửa, nửa còn lại bố mẹ anh cho riêng anh. Năm 1994 thì bố mẹ anh có xây dựng 01 ngôi nhà 01 tầng có diện tích khoảng 60 m2 cùng công trình phụ, anh và chị Y sống ở đó từ năm 1994 đến năm 2007 thì thửa đất này đã đứng tên trong sổ mục kê và diện tích có sự thay đổi là 211 m2, hiện nay thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian chung sống với chị Y thì vợ chồng chỉ mua sắm được 01 xe máy Anlge, 01 xe Weave Trung Quốc và một số đồ dùng sinh hoạt gia đình. Số tài sản trên hiện do anh quản lý. Năm 2005 bố anh mất, năm 2015 mẹ anh mất không có di chúc gì. Nay anh xác định nhà và đất ở là của bố mẹ anh còn những tài sản khác anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra anh còn xác định trong thời gian anh và chị Y ly thân thì anh đã chung sống với chị Hồ Hồng H(O) trong thời gian này anh và chị H (O) có xây dựng mua sắm thêm được một số tài sản gồm: Xây 01 gian công trình phụ (Công trình tự hoại), mua 01 máy giặt Sanyo, 01 bình nóng lạnh, 01 máy lọc nước, sửa sang cầu thang. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật vì thời gian này anh và chị Y đã sống ly thân.

Về công nợ: Anh xác định trong thời gian chung sống thì anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về ruộng đất canh tác: Anh xác định hai bên tự phân chia và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai: Chị Hồ Thị Hồng H (O) trình bày: Chị xác định chị về chung sống với anh T từ năm 2013 thời gian này anh chị có xây dựng mua sắm được những tài sản sau: Xây 01 gian công trình phụ (Công trình tự hoại), mua 01 máy giặt Sanyo, 01 bình nóng lạnh, 01 máy lọc nước, còn tài sản khác chị không có ý kiến gì. Nay chị đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay anh T, chị O vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị Y và chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Tống Ngọc T và chia tài sản chung của anh chị.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu và kết luận việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt việc tham gia tố tụng. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng việc tham gia tố tụng.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015. Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC ngày 06/01/2016, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về lệ phí án phí Tòa án. Đề nghị HĐXX tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị Y và anh Tống Ngọc T.

2. Về tài sản chung : Xác nhận tài sản chung giữa anh Tống Ngọc T và chị Tống Thị Y gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 56m2 trên thửa đất số 136 tờ bản đồ 28 có diện tích 193,48m2 tại Thôn B, Đ, Th, B và số tiền 45.449.108 đồng tiền bồi thường do anh T Quản Lý. Tổng tài sản chung 1.431.549.108 đồng.

Giao cho anh T được quản lý sở hữu và sử dụng có 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 56m2 trên thửa đất số 136 tờ bản đồ 28 có diện tích 193,48m2 tại Thôn B, Đ, Th, B và số tiền 45.449.108 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 1.431.549.108 đồng, anh T có quyền liên hệ với cấp có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD thửa đất trên. Nhưng Anh T có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản chung cho chị Y số tiền là 572.619.643 (Năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười chín ngàn, sáu trăm ba mươi tư) đồng.

3. Về công nợ và ruộng canh tác tại địa phương : Các đương sự không yêu cầu; Do vậy không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà; Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho phía anh Tống Ngọc T và chị Hồ Hồng H(O), Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phía bị đơn anh T và người liên quan chị H (O) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng anh T, chị O vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tống Thị Y xây dựng gia đình với anh Tống Ngọc T ngày 12 tháng 10 năm 1992, trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vi phạm điều kiện đăng ký kết hôn.

Xét yêu cầu của chị Tống Thị Y cũng như lời đề nghị của Luật sư; Hội đồng xét xử nhận thấy chị Tống Thị Y và anh Tống Ngọc T chung sống với nhau năm 1992 quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn. Anh chị sống ly thân nhiều năm nay quá trình giải quyết vụ án Toà án đã hoà giải nhiều lần song không có kết quả. Xét lời đề nghị của chị Tống Thị Y xin ly hôn với anh Tống Ngọc T; căn cứ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của TANDTC - VKSNDTC - BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định. Do vậy cần chấp nhận đơn của chị Tống Thị Y và xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Tống Thị Y với anh Tống Ngọc T là phù hợp.

Về con chung: Chị Tống Thị Y và anh Tống Ngọc T không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, tại phiên toà hôm nay chị Y trình bày:

Năm 1995 vợ chồng chị xây 01 ngôi nhà 01 tầng có diện tích 56 m2 và công trình phụ trên diện tích đất có nguồn gốc do vợ chồng được xét mua theo tiêu chuẩn 01 xuất ruộng đất dạng nhận khoán lâu dài có diện tích là 180m2 nay là thửa đất số 136 tờ bản đồ số 28 có diện tích thay đổi 211m2 cuối năm 2015 Nhà nước làm đường 283 có thu hồi khoảng 6m2 và tài sản trên đất nên được bồi thường số tiền là 45.449.108 đồng (Bốn mươi năm triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn một trăm linh tám đồng) do anh T nhận và mua sắm được 01 xe máy Anlge, 01 xe Weave Trung Quốc và 01 số đồ dùng sinh hoạt khác nay giá trị sử dụng không đáng kể. Hiện nay thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có diện tích thực tế là 193,48 m2. Toàn bộ tài sản trên từ khi anh chị ly thân thì anh T là người quản lý. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản là 01 ngôi nhà 01 tầng có diện tích 56m2 trên thửa đất số 136 tờ bản đồ số 28 diện tích thực tế là 193,48m2 địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Th, tỉnh B (Diện tích đất này chưa được cấp GCNQSD đất) và số tiền 45.449.108 đồng anh T đã nhận đền bù theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của chị Y đề nghị phân chia tài sản chung HĐXX xét thấy: Về nguồn gốc diện tích đất năm 1993 thôn B có một số đất dự trữ ở ven đường liên xã nay là đường tỉnh lộ 283. Thực hiện theo chủ trương về việc giao ruộng khoán lâu dài cho các hộ gia đình theo tiêu chuẩn gia đình nào có từ 02 cặp vợ chồng trở lên chung sống trong hộ và hộ nào có từ 02 con trai từ đủ 18 tuổi trở lên thì thuộc diện xét tiêu chuẩn mua 01 suất đất có diện tích 180m^2 và phải nộp số tiền 2.000.000 đồng/1 suất. Gia đình ông Tống Ngọc H lúc đó được mua 02 suất là tiêu chuẩn của anh Tống Ngọc T1 và anh Tống Ngọc T do ông H là chủ hộ là người trực tiếp nộp tiền. Sau khi nộp đủ tiền theo định xuất thì ban quản lý thôn trực tiếp làm thủ tục giao đất cho các hộ. Hộ gia đình anh T chị Y do chị Y trực tiếp nhận đất, thời điển này diện tích đất chỉ là thùng vũng, sau khi được giao diện tích đất vợ chồng chị đã san lấp. Năm 2003 UBND xã Đ chỉnh lý lập bản đồ địa chính để lập bản đồ giấy thì diện tích đất

được tách làm 02 thửa, gồm thửa 136 tờ bản đồ số 28 mang tên Tống Ngọc T và thửa 135 tờ bản đồ số 28 mang tên Tống Ngọc T1. Như vậy, thửa đất số 136 tờ bản đồ số 28, tên chủ sử dụng Tống Ngọc T có nguồn gốc được cấp theo tiêu chuẩn của anh T và chị Y. Mặt khác sau khi được giao đất đến năm 1995 anh T chị Y đã làm nhà kiên cố và công trình phụ trên diện tích đất này được những thợ xây nhà tại thời điểm đó xác nhận cũng như việc làm nhà của anh chị gia đình ông H và các thành viên trong gia đình ông H đều biết mà không có khiếu kiện gì, hơn nữa quá trình sử dụng diện tích đất này kể từ thời điểm nhận khoán cho tới nay chưa có thời điểm nào ông Tống Ngọc H đứng tên trong sổ mục kê, sổ địa chính do địa phương quản lý. Năm 2015 khi nhà nước mở rộng hành lang giao thông làm đường 283 có thu hồi 6,28m2 đất và tài sản trên đất thì hộ anh T chị Y được nhận tiền đền bù là 45.449.108 đồng; do vậy cần xác định toàn bộ tài sản trên là tài sản chung của anh T và chị Y để phân chia khi ly hôn. Từ căn cứ nêu trên xét thấy yêu cầu của chị Tống Thị Y cần chấp nhận.

Do chị Y đề nghị Toà án phân chia tài sản gồm 01 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 28 có diện tích được đo thực tế 193,48m2 trên đất có ngôi nhà trần có diện tích 56m2 và số tiền nhận đền bù do anh T quản lý được chấp nhận; căn cứ vào biên bản định giá ngày 09/01/2019 tổng giá trị tài sản là 1.386.100.000 đồng và số tiền anh T quản lý thì tổng tài sản chung của anh T chị Y khi phân chia trị giá là 1.431.549.108 đồng. Xét công sức đóng góp cũng như nhu cầu về chỗ ở của chị Y thì thấy. Quá trình anh T chị Y chung sống đến năm 2008 chị Y bỏ về nhà mẹ đẻ ở anh chị sống ly thân từ đó đến nay toàn bộ tài sản do anh T quản lý hiện tại anh T đang sinh sống ổn định trên thửa đất này nay cần giao cho anh T tiếp tục quản lý sở hữu và xử dụng và buộc anh T phải trích chia cho chị Y bằng tiền tương ứng với 40% giá trị trong khối tài sản chung của anh chị là phù hợp. Do diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng qua làm việc với cấp có thẩm quyền xác định diện tích đất này năm trong quy hoạch khu dân cư đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nay giao cho anh T được quyền sở hữu và sử dụng thì anh T có trách nhiệm liên hệ với cấp có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Anh T, tại phiên toà anh T vắng mặt nhưng quá trình thu thập chứng cứ anh T cho rằng nguồn gốc diện tích đất mà vợ chồng làm nhà hiện anh T đang quản lý là của bố đẻ anh là ông Tống Ngọc H, anh và chị Y chỉ có tài sản chung là ngôi nhà có diện tích khoảng hơn 50m2, công trình phụ trên đất và một số đồ dùng sinh hoạt khác. Nay vợ chồng không chung sống được với nhau anh chỉ nhất trí phân chia giá trị ngôi nhà và một số đồ dùng sinh hoạt còn diện tích đất phải trả lại cho Bố anh nay bố anh đã mất thì phải trả lại cho các anh chị em anh. Xét yêu cầu của anh T không nhất trí phân chia là diện tích đất nhưng quá trình giải quyết vụ án anh cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh diện tích đất là của bố

anh. Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã yêu cầu anh T cung cấp tên tuổi cũng như địa chỉ của các anh chị em anh T (Con ông H) nhưng anh T không cung cấp, Toà án xác minh tại địa phương nhưng cũng không biết được nhân khẩu của các thành viên con của ông H hiện ở đâu do vậy Toà án không có căn cứ để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án sau này nếu có căn cứ thì có quyền yêu cầu Toà án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác. Từ nhận định trên xét thấy yêu cầu của anh T không có căn để được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị Hồ Thị Hồng H (O) tại phiên toà chị vắng mặt quá trình giải quyết vụ án chị có lời trình bày chị về chung sống với anh T từ năm 2013 thời gian này anh chị có xây dựng mua sắm được những tài sản như: Xây 01 gian công trình phụ (Công trình tự hoại), mua 01 máy giặt Sanyo, 01 bình nóng lạnh, 01 máy lọc nước, còn tài sản khác chị không có ý kiến gì. Tuy nhiên trong thời gian chuẩn bị xét xử hiện nay chị không có mặt ở địa phương, mặt khác toàn bộ tài sản này khi ly hôn chị Y không yêu cầu xem xét hiện tài sản này anh T quản lý nếu sau này chị O có yêu cầu sẽ xem xét bằng một vụ án khác.

Đối với số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản mà chị Y đã nộp tại phiên toà hôm nay chị Y không yêu cầu đối với số tiền này do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ và đất nông nghiệp: Chị Y và anh T đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213, Điều 219 Bộ luật dân sự 2015. Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC ngày 06/01/2016, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về lệ phí án phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tống Thị Y và anh Tống Ngọc T.

2. Về tài sản chung : Xác nhận tài sản chung giữa anh Tống Ngọc T và chị Tống Thị Y gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 56m2 trên thửa đất số 136 tờ bản đồ 28 có diện tích 193,48m2 tại Thôn B, Đ, Th, B và số tiền 45.449.108 đồng tiền bồi thường do anh T Quản Lý. Tổng tài sản chung 1.431.549.108 đồng.

Giao cho anh T được quản lý sở hữu và sử dụng có 01 ngôi nhà cấp 4 loại 2 có diện tích 56m2 trên thửa đất số 136 tờ bản đồ 28 có diện tích 193,48m2 tại Thôn B, Đ, Th, B và số tiền 45.449.108 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là 1.431.549.108 đồng, anh T có quyền liên hệ với cấp có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD thửa đất trên. Nhưng Anh T có trách nhiệm trích chia chênh lệch tài sản

chung cho chị Y số tiền là 572.619.643 (Năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm mười chín ngàn, sáu trăm ba mươi tư) đồng.

3. Về án phí: Chị Tống Thị Y phải chịu 200.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 26.904.785 đồng án phí chia tài sản (xác nhận chị Y đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00532 ngày 27 tháng 4 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành). Anh Tống Ngọc T phải chịu 37.767.883 đồng án phí chia tài sản.

Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt án vắng mặt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh BN.*
- *VKSND huyện Thuận Thành..*
- *THA huyện Thuận Thành.*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn